

-아/어 보인다

trông, có vẻ — dựa vào vẻ bề ngoài

Nói rằng sự vật trông như thế nào qua mắt nhìn. Gắn với tính từ, và căn cứ luôn là thị giác — đó là điểm phân biệt nó với 것 같다.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Nguyên âm cuối ㅏ hoặc ㅑ	-아 보인다	좋다 → 좋아 보여요
Nguyên âm khác	-어 보인다	예쁘다 → 예뻐 보여요
Tính từ 하다	해 보인다	피곤해 보여요
Kính ngữ	-아/어 보이시다	좋아 보이세요
Động từ hành động dùng	-는 것 같다	가는 것 같아요
Quá khứ	-아/어 보였다	피곤해 보였어요

Khi nào dùng

Nguyên âm theo quy tắc của -아요/어요 với các hiện tượng gộp âm thông thường: 좋아 보인다, 예뻐 보인다, 피곤해 보인다.

Nó gắn với tính từ, không gắn với động từ hành động. 가 보여요 không có nghĩa “có vẻ đi” — ở đó 보이다 là động từ thông thường “được nhìn thấy”. Với động từ, hãy dùng -는 것 같다.

Nhận định dựa trên những gì bạn nhìn thấy. Nhìn mặt ai đó bạn nói 피곤해 보여요; còn suy luận từ lịch làm việc của họ thì bạn sẽ nói 피곤한 것 같아요.

Đây cũng là cách chuẩn để khen về ngoại hình: 오늘 좋아 보이세요, 젊어 보이세요.

Ví dụ trong câu

- 1

오늘 기분이 좋아 보여요.
Hôm nay trông bạn có vẻ vui.
- 2

많이 피곤해 보이는데 좀 쉬세요.
Trông bạn mệt lắm — nghỉ ngơi đi.
- 3

이 옷을 입으니까 젊어 보이세요.
Mặc bộ đồ này trông bạn trẻ hơn.
- 4

그 음식이 정말 맛있어 보여요.
Món đó trông ngon thật.
- 5

사진보다 실물이 더 예뻐 보여요.
Ngoài đời trông bạn xinh hơn trong ảnh.
- 6

어제는 좀 아파 보였어요.
Hôm qua trông bạn hơi không khỏe.

So sánh với

-(으)ㄴ/는 것 같다

-아/어 보인다 dựa vào những gì bạn thấy; 것 같다 bao quát mọi kiểu suy luận. Chỉ 것 같다 dùng được với động từ hành động.

피곤해 보여요. (trông bạn mệt) / 피곤한 것 같아요. (tôi nghĩ bạn mệt)

-겠-

Cả hai đều phản ứng với thứ ngay trước mắt. -겠어요 nghiêng về vị giác và trí tưởng tượng; -아/어 보여요 thuật lại chính ấn tượng thị giác.

맛있겠어요. (chắc là ngon lắm) / 맛있어 보여요. (trông ngon quá)

보이다 là động từ thông thường

Đứng một mình, 보이다 có nghĩa “được nhìn thấy”. Cấu trúc này chỉ mang nghĩa “trông có vẻ” khi có tính từ đứng trước.

산이 보여요. (tôi nhìn thấy núi) / 높아 보여요. (trông có vẻ cao)

Lưu ý

- ✗

많이 피곤하여 보여요.
- 많이 피곤해 보여요.
Tính từ kết thúc bằng 하다 thành 해 trước 보인다, như mọi nơi khác.
- ✗

그 사람이 가 보여요. — với nghĩa “có vẻ đang đi”
- 그 사람이 가는 것 같아요.
Cấu trúc này dùng với tính từ. Với động từ hành động, 보이다 quay về nghĩa đen.
- ✗

그 사람은 한국 사람이어 보여요.
- 그 사람은 한국 사람인 것 같아요.
Danh từ cũng không dùng được -아/어 보인다. Hãy dùng 인 것 같다 để đoán ai đó là gì.